|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH BẮC NINH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /SLĐTBXH-VPV/v phối hợp xây dựng dự thảo Đề án tổng thể ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030 | *Bắc Ninh, ngày tháng 03 năm 2023* |

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Ninh

Thực hiện Công văn số 159/STTTT-CNTT ngày 22/2/2023 về việc đề nghị phối hợp xây dựng dự thảo Đề án tổng thể ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030.

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã rà soát các nội dung về lĩnh vực của ngành để phối hợp xây dựng dự thảo Đề án tổng thể ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030.

*(Có phụ lục đính kèm)*

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC** |
| - Như trên;- Cổng TTĐT Sở;- Lưu: VT, VP. | **Nguyễn Nhân Chinh** |

**PHỤ LỤC**

**KHUNG ĐỀ XUẤT CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Kèm theo Công văn số: /SLĐTBXH-VP ngày /3/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh)*

**1. Cơ sở pháp lý về chuyển đổi số liên quan đến ngành, lĩnh vực**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 2999/LĐTBXH-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Triển khai thực hiện đề án “Xây dựng CSDL Quốc gia về ASXH, ứng dụng CNTT vào giải quyết chính sách ASXH đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-LĐTBXH ngày 01/11/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phiên bản 2.0.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-BCSĐ ngày 22/4/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực lao động - người có công và xã hội giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 430/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh Thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh.

**2. Đánh giá hiện trạng về chuyển đổi của ngành**

Các hệ thống thông tin/phần mềm hiện nay của ngành LĐTBXH hoạt động riêng rẻ, thiếu đồng nhất, cơ sở dữ liệu phân tán, không có khả năng kết hợp. Công nghệ triển khai hệ thống thông tin hiện tại còn lạc hậu, không được thường xuyên cập nhật, nâng cấp theo các nghị định, quyết định hay thông tư mới của Tỉnh, Chính phủ hay Bộ LĐTBXH.

Nhiều lĩnh vực chưa có phần mềm vận hành, dữ liệu các lĩnh vực chưa được liên kết, kế thừa hay tập trung, gây khó khăn trong việc quản lý, điều hành tập trung của ngành và công tác phát triển hệ thống dự báo, chỉ báo ngành, thiếu khả năng kết hợp, chia sẻ dữ liệu đến các lĩnh vực từ trong đến ngoài ngành, từ trung ương đến địa phương, cụ thể:

**2.1. Lĩnh vực quản lý người có công**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tin phần mềm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tên phần mềm | Chi trả trợ cấp ưu đãi Người có công |  |
| 2 | Đơn vị triển khai | Bộ LĐTBXH |  |
| 3 | Năm triển khai | 2009 |  |
| 4 | Đối tượng phần mềm quản lý thông tin | Đối tượng Người có công và thân nhân người có công hưởng trợ cấp hàng tháng, 1 lần. |  |
| 5 | Thông tin về cơ sở dữ liệu | CSDL SQL. Thông tin: Họ tên, Năm sinh, nguyên quán, trú quán, Đơn vị, loại đối tượng, mức trợ cấp, loại trợ cấp,… |  |
| 6 | Hạ tầng, trang thiết bị | Máy chủ, máy trạm. máy chủ đặt tại Sở. Phần mềm này do Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm nâng cấp, chỉnh sửa khi có thay đổi chính sách,… |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tin phần mềm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tên phần mềm | Quản lý hồ sơ người có công | Chỉ cài đặt được trên Win XP không tương thích với hệ điều hành sau này. |
| 2 | Đơn vị triển khai | Bộ LĐTBXH |
| 3 | Năm triển khai | 1998 |
| 4 | Đối tượng phần mềm quản lý thông tin | Quản lý hồ sơ Người có công và thân nhân người có công |
| 5 | Thông tin về cơ sở dữ liệu | CSDL SQL. Thông tin: Họ tên, Năm sinh, nguyên quán, trú quán, Đơn vị, hy sinh, Chức vụ, Cấp bậc, …. |
| 6 | Hạ tầng, trang thiết bị | Máy vi tính. |

**2.2. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng chống tệ nạn xã hội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thông tin phần mềm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tên phần mềm | MIS POSASoft |  |
| 2 | Đơn vị triển khai | Ban quản lý dự án “Tăng cường hệ thống trợ giúp xã hội Việt Nam” |  |
| 3 | Năm triển khai | 2018 |  |
| 4 | Đối tượng phần mềm quản lý thông tin | Hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo |  |
| 5 | Đối tượng phần mềm quản lý thông tin | Hộ và người hưởng trợ cấp/trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng |  |
| 6 | Thông tin về cơ sở dữ liệu | Đang quản lý đối tượng đến năm 2019 |  |
| 7 | Hạ tầng, trang thiết bị | * Máy chủ quản trị, ứng dụng và CSDL Server Dell PowerEdge T630.
* UPS:UpSelectULP102C/1000VA/800W
 |  |

**2.3. Lĩnh vực Trẻ em - Bình đẳng giới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thông tin phần mềm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tên phần mềm | Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở |  |
| 2 | Đơn vị triển khai | Cục Trẻ em |  |
| 3 | Năm triển khai | 2016 |  |
| 4 | Đối tượng phần mềm quản lý thông tin | Trẻ em và các nhóm trẻ em theo Luật trẻ em |  |
| 5 | Thông tin về cơ sở dữ liệu | Cấp xã cập nhật dữ liệu thông tin trẻ em |  |
| 6 | Hạ tầng, trang thiết bị | Máy tính có kết nối mạng internet |  |

**2.4. Lĩnh vực Lao động việc làm - An toàn lao động:** Chưa có phần mềm quản lý chuyên môn

**2.5. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên HTTT, CSDL** | **Thông tin chi tiết** |
| 1 | Phần mềm quản lý đào tạo nghề cho lao động nông thôn | - Thời gian sử dụng: Năm 2011- Đơn vị lập thiết kế thi công: Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội - Đơn vị quản lý kỹ thuật: Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông.- Địa chỉ đặt máy chủ: Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh - Số lượng máy chủ sử dụng: 01 máy chủ- Hệ điều hành/CSDL: windown server 2008- Địa chỉ IP: 10.84.103.218- Dung lượng lưu trữ: 250 GB- Tên miền truy cập: <http://gdnn.bacninh.gov.vn>- Cấp độ an toàn thông tin theo Nghị định 85 : 2- Hiện tại hệ thông máy chủ đã được chuyển đổi, tích hợp sang hệ thống Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh. |

**2.6. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội:** chưa có phần mềm quản lý chuyên môn

**3. Các khó khăn, vướng mắc/rào cản trong triển khai chuyển đổi số của ngành**

- Dữ liệu khó có thể chia sẽ, kết nối thông tin với các sở ngành, địa phương có liên quan một cách nhanh chóng; đặc biệt các thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu khó được tiếp cận một cách nhanh chóng, kịp thời. Việc triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư còn khó khăn do một số bộ phận chưa có phần mềm quản lý chuyên ngành, phần mềm đã cũ không thể nâng cấp chia sẻ;

- Việc số hóa dữ liệu từ hồ sơ gốc sang dữ liệu điện tử còn khó khăn, mất nhiều thời gian.

- Khó khăn về nhân lực công nghệ thông tin: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 01 viên chức phụ trách công nghệ thông tin. Hằng năm đều được đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu Chuyển đổi số của ngành, cần đào tạo và tập huấn cho cán bộ công chức các kỹ năng và nhận thức về chuyển đổi số cũng như các công nghệ mới hướng tới Chính phủ điện tử.

**4. Quan điểm, định hướng và mục tiêu về chuyển đổi số của ngành**

**4.1. Mục tiêu chung**

Ứng dụng công nghệ số và thực hiện chuyển đổi số một cách sâu rộng trong toàn bộ các hoạt động lĩnh vực lao động - việc làm, giáo dục nghề nghiệp, người có công, bảo trợ xã hội, chăm sóc bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội từ đó triển khai tốt các chính sách An sinh xã hội của Nhà nước đến với người dân và doanh nghiệp; đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng công tác điều hành, quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, địa phương; hình thành cơ sở dữ liệu đầy đủ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đồng bộ từ địa phương đến các cấp quản lý.

**4.2. Mục tiêu cụ thể**

**4.2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

a) Phát triển chính phủ số:

- Phấn đấu trên 90% cơ sở dữ liệu lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin của quốc gia theo lộ trình.

- 80% dịch vụ công thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn quy trình xử lý, tác nghiệp, đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm các thiết bị di động.

- Phấn đấu 90% hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước và hồ sơ công việc được nhận gửi từ các đơn vị ngoài hệ thống).

- 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được định kỳ hằng năm tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số, trong đó 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc có cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu dựa trên công nghệ số.

- Thực hiện đánh giá an toàn thông tin hàng năm, phấn đấu 80% hệ thống công nghệ thông tin của Sở được đảm bảo an toàn thông tin theo đúng cấp độ.

- Xây dựng các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tin học hóa nghiệp vụ chuyên môn ngành thuộc 6 lĩnh vực An sinh xã hội, song song triển khai thử nghiệm đánh giá trên từng lĩnh vực trong quá trình xây dựng.

- Cập nhật dữ liệu đầy đủ trên hệ thống báo cáo của tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

b) Phát triển kinh tế số, xã hội số:

- 60% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai hoạt động hỗ trợ người dân được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

- 20% doanh nghiệp lớn thực hiện giao kết hợp đồng với người lao động trên nền tảng hợp đồng lao động điện tử; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện giao kết hợp đồng với người lao động trên nền tảng hợp đồng lao động điện tử.

- Thúc đẩy hình thành nền tảng sổ lao động điện tử; người lao động được cấp sổ lao động điện tử.

- Phấn đấu 100% các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và tích hợp lên môi trường số.

- Phấn đấu năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

**4.2.2. Định hướng đến năm 2030**

a) Phát triển chính phủ số:

- 100% cơ sở dữ liệu lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin của quốc gia.

- 100% các cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, An sinh xã hội của tỉnh được kết nối với cổng thông tin thị trường lao động quốc gia.

- Phấn đấu 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm các thiết bị di động.

- Phấn đấu 100% hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- 90% hệ thống công nghệ thông tin của Sở được đảm bảo an toàn theo đúng cấp độ.

- 90% đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành được định danh điện tử; thông tin của đối tượng an sinh xã hội được số hóa và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống máy chủ và các thiết bị đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Thường xuyên rà soát nhu cầu, đầu tư trang thiết bị, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu số hóa dữ liệu, cuộc họp trực tuyến, xử lý công việc trực tuyến. Sử dụng mạng diện rộng của tỉnh và đầu tư mạng Internet với đường truyền tốc độ cao, kết nối thông suốt với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

 b) Phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Tiếp tục thực hiện phát triển kinh tế số, xã hội số đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số của Chính phủ.

- 80% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp trên địa bàn đô thị được chi trả thông qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Thúc đẩy hoạt động hỗ trợ người dân được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

- 50% doanh nghiệp lớn thực hiện giao kết hợp đồng với người lao động trên nền tảng hợp đồng lao động điện tử; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện giao kết hợp đồng với người lao động trên nền tảng hợp đồng lao động điện tử.

- Phấn đấu cơ bản người lao động tại các doanh nghiệp lớn sử dụng nền tảng sổ lao động điện tử.

- Phấn đấu 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và tích hợp lên môi trường số.

- Phấn đấu năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

**5. Danh mục các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của ngành**

Dự án hệ thống thông tin ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được phê duyệt tại Quyết định 161/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh về Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021.

Ngày 13/12/2022, Sở đã ban hành Công văn số 3312/SLĐTBXH-VP về việc xin tạm dừng triển khai “Hệ thống thông tin ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Ninh” theo Nghị quyết 252/NQHĐND ngày 04/6/2020 để tiếp tục nghiên cứu, trao đổi, xin ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai dự án hệ thống ngành theo quy định.

Để phối hợp xây dựng đề án tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có một số nội dung chuyển đổi số về các lĩnh vực chuyên ngành như sau:

***\* Lĩnh vực lao động - việc làm và an toàn vệ sinh lao động***

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào công tác quản lý nhà nước về lao động - việc làm và an toàn vệ sinh lao động.

b) Xây dựng giải pháp, nền tảng công nghệ số phục vụ việc quản lý, hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tiếp cận, nắm bắt các chính sách lao động, an toàn lao động và thông tin thị trường lao động, phát triển cơ sở dữ liệu tập trung toàn tỉnh về cung, cầu lao động. Tổ chức hướng dẫn cho người lao động, tổ chức sử dụng lao động triển khai thực hiện.

c) Xây dựng hệ thống thông tin dùng chung, kết nối, chuyển giao dữ liệu với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và hệ sinh thái An sinh xã hội được quản lý theo user người dùng và được phân quyền theo module và phân cấp quyền theo các cấp người dùng.

d) Xây dựng hệ thống phân tích, dự báo trực quan hóa dữ liệu thông tin thị trường lao động sử dụng các công nghệ 4.0, phân lớp dữ liệu theo các chỉ tiêu quan trọng, hiển thị trực quan hóa dữ liệu từ đó hỗ trợ phân tích đánh giá tình hình thị trường lao động hiện tại kết hợp dự báo thông tin thị trường lao động, đưa ra các dự báo về các chỉ tiêu quan trọng như nhu cầu tìm việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động, số người có thể thất nghiệp trong thời gian tới (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn),… giúp lãnh đạo các cấp có cơ sở đưa ra các quyết định kịp thời và chính xác, thu hút thêm các vốn đầu tư, phát triển kinh tế xã hội, định hướng hoạch định chiến lược cho tương lai phù hợp với xu thế phát triển, tăng hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng cơ hội giao dịch việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động, phát triển xã hội số, chính phủ số.

***\* Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp***

a) Đẩy mạnh chuyển đổi số, hình thành nguồn nhân lực số đảm bảo sinh viên, học viên tốt nghiệp thuộc các ngành/nghề đào tạo, bao gồm cả công nghệ thông tin của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phục vụ trực tiếp cho nền kinh tế số.

b) Xây dựng hệ thống đào tạo gắn chặt với chuyển đổi số, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp kết nối với doanh nghiệp đào tạo học viên về chuyên môn, kỹ năng cần thiết về chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Ứng dụng nền tảng công nghệ số giúp tăng tính mở, linh hoạt và liên thông cho các chương trình đào tạo.

c) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ứng dụng chuyển đổi số vào cá thể hóa việc đào tạo; học viên được linh hoạt lựa chọn nội dung đào tạo, tùy biến hoạt động ngoại khóa, bổ trợ kỹ năng phù hợp với sở trường, thế mạnh và quan tâm của từng người trên nền tảng số. Các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyển sang hình thức đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp.

d) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật với mạng và máy tính; hạ tầng dữ liệu về dạy và học, hệ thống thông tin về quản lý giáo dục nghề nghiệp; hạ tầng ứng dụng với các nền tảng số, nhiều dịch vụ, kiểm soát, chia sẻ thông tin; học liệu số gắn với chương trình và nội dung đào tạo. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng các nền tảng số dùng chung về đào tạo. Hình thành kho học liệu tài nguyên số dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng, sách giáo khoa điện tử, bài thực hành mô phỏng, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

đ) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và tích hợp lên môi trường số.

e) Hình thành bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp. Các cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp được hoàn thành và kết nối, liên thông dữ liệu với nhau. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai hệ thống thông tin quản lý nhà trường, báo cáo số liệu và liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp.

***\* Lĩnh vực người có công***

a) Xây dựng Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu người có công cùng với số hóa hồ sơ, hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất trên toàn tỉnh trên cơ sở tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin khác.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác quản lý đối với lĩnh vực người có công. Đổi mới công tác quản lý hồ sơ người có công và chi trả trợ cấp ưu đãi người có công thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ công; từng bước chi trả trợ cấp cho người có công, thân nhân người có công bằng phương thức không dùng tiền mặt.

***\* Lĩnh vực bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội***

a) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức trong lĩnh vực an sinh xã hội.

b) Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thống nhất toàn tỉnh đối với người dân hưởng trợ cấp xã hội, giảm nghèo, kết nối, liên thông và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin của các bộ, ngành có liên quan, từng bước góp phần hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội.

d) Xây dựng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin về quản lý thông tin người cai nghiện, đào tạo cho cán bộ làm công tác tư vấn, chuyển gửi, cai nghiện; cập nhật, liên thông hệ thống dữ liệu về cai nghiện ma túy; xây dựng trang mạng xã hội và đường dây nóng tư vấn cai nghiện ma túy.

***\* Lĩnh vực trẻ em và bình đẳng giới***

a) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em phù hợp trong tình hình mới, toàn diện trong tổng thể cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, hình thành một cơ sở dữ liệu trẻ em đồng bộ, chính xác và thống nhất toàn tỉnh trên cơ sở kết nối, tích hợp, liên thông thông tin, dữ liệu về trẻ em với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

b) Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào công tác quản lý thông tin trẻ em; góp phần mở rộng hệ thống thông tin trẻ em từ Trung ương đến địa phương nhằm nâng cao, tạo điều kiện nhanh chóng, thuận lợi cho công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về quyền trẻ em theo Luật Trẻ em.

**5. Kiến nghị, đề xuất**

Trân trọng đề nghị HĐND, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, bổ sung kinh phí để từng bước hiện đại hóa hệ thống hạ tầng cơ sở, số hóa hồ sơ, trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong tổng thể ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030.

Căn cứ tình hình thực trạng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, xây dựng đề án tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2024-2030.